

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **110 /2020/HS-ST**

Ngày: 12 – 11 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Nguyễn Văn Y;**

2/ Ông: **Tạ Công Minh;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Đàm Viễn Khương** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2020/HSST ngày 05/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020, đối với :

- 1/ Bị cáo: Đặng Vũ K sinh năm 1988 tại Bến Tre; Giới tính: Nam; HKTT: ấp TB2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn G sinh năm 1964 và bà Phan Thị Bé B sinh năm 1963; Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn , có 01 con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 17/6/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- 2/ Bị cáo: Cao Văn H sinh năm 1989 tại Bến Tre; Giới tính: Nam; HKTT: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn R sinh năm 1968 và bà Lê Thị T sinh năm 1965; Bị cáo sống như vợ chồng với Tăng Mỹ P nhưng không có đăng ký kết hôn, có 01 con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 17/6/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ **Người bị hại:** Anh **Hồ Minh T1** sinh năm 1998. HKTT: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Hồ Thị Phương T2** sinh năm 1992. HKTT: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị **Tăng Mỹ P** sinh năm 1981. HKTT: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

1/ Chị **Huỳnh Thị Bích D** sinh năm 1993. HKTT: ấp TP 2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh **Lê Thanh T3** sinh năm 1981. HKTT: ấp TL1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

3/ Anh **Hồ Nhựt T4** sinh năm 1991. HKTT: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

4/ Bà **Phan Thị Bé B** sinh năm 1963. HKTT: ấp TB2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

5/ Bà **Đặng Thị H1** sinh năm 1973. HKTT: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Bị cáo, Người có QLNVLQ Tăng Mỹ P có mặt tại phiên tòa; Người bị hại, Người có QLNVLQ Hồ Thị Phương T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/6/2020, tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Đặng Vũ K và Cao Văn H có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Hồ Minh T1. Tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe mô tô loại “Vario” biển số 63B3-937.76, 01 bốp da và số tiền 11.000 (mười một nghìn) đồng;

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 95 ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành xác định:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Honda Vario, không gương chiếu hậu, biển số 63B3-937.76, số khung: 4111KK808056, số máy: KF41E1810634 có giá là: 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng;

- 01 (một) cái bốp bằng da màu đen có giá là: 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt được xác định là: 11.000 + 52.000.000 + 50.000 = 52.061.000 (năm mươi hai triệu sáu mươi một nghìn) đồng.

*** Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra thu giữ gồm:**

- Thu giữ tại tiệm sửa xe của anh Lê Thanh T3: 01 (một) xe mô tô hiệu “Honda Vario”, màu xanh lá, không biển số, không gương chiếu hậu, số khung: 4111KK808056, số máy: KF41E1810634.

- Thu giữ của chị Tăng Mỹ P là vợ của H:

+ 01 (một) biển số 63B3-937.76;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu trắng – đen – bạc, biển số 71B4-145.41, số máy: 1191478, số khung 326505; xe do Cao Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Minh T1;

+ 01 (một) đèn pin (loại sạc điện) màu xanh lá;

+ 01 (một) cái bóp bằng da màu đen;

- Thu giữ của Đặng Vũ K: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 63B3-937.76, mang tên Hồ Minh T1;

*** Xử lý vật chứng:**

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Hồ Minh T1: 01 (một) xe mô tô hiệu “Honda Vario”, màu xanh lá, không biển số, không gương chiếu hậu, số khung: 4111KK808056, số máy: KF41E1810634; 01 (một) biển số 63B3-937.76; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Minh T1; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 63B3-937.76, mang tên Hồ Minh T1;

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Hồ Thị Phương T2 01 (một) cái bóp bằng da màu đen;

Các vật chứng còn bị tạm giữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý.

* Tại Cáo trạng số 106/CT- VKSCT ngày 01/10/2020, Bị cáo Đặng Vũ K; Cao Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” căn cứ theo điểm c khoản 2 điều 173 BLHS.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Hồ Minh T1 và chị Hồ Thị Phương T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, bị cáo Đặng Vũ K khai nhận:

Vào rạng sáng ngày 05/6/2020, bị cáo Cao Văn H điều khiển xe mô tô biển số 71B4-145.41 chở bị cáo đi từ tỉnh Bến Tre đến tỉnh Tiền Giang theo tuyến Quốc lộ 1A mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, cả hai đến khu vực xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thì phát hiện trong quán giải khát ven đường có xe mô tô loại “Vario” biển số 63B3-937.76 ở khu vực treo võng của quán, chủ xe nằm võng ngủ rồi dựng xe ở bên cạnh. Lúc này, H dừng xe lại rồi kêu bị cáo đi vào quán vờ hỏi mua nước xem có ai còn thức không, nếu không thì lấy trộm xe. Bị cáo vào quán hỏi mua nước nhưng không có ai trả lời nên đến vị trí xe 63B3-937.76 rồi dẫn xe ra ngoài. Khi lấy được xe H điều khiển xe

71B4-145.41 dùng chân đẩy xe 63B3-937.76, bị cáo ngồi cầm lái về hướng tỉnh Long An, đi được một đoạn thì dừng lại. H dùng tay gỡ yên xe 63B3-937.76 lên để bị cáo thò tay vào lấy đồ trong cốp xe, thì lấy được giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hồ Minh T1 và 01 cái bóp da màu đen. Cả hai kiểm tra bên trong bóp thì thấy có một số giấy tờ tùy thân, thẻ ATM và số tiền 11.000 (mười một nghìn) đồng. Bị cáo lấy tiền bỏ vào túi, các giấy tờ và thẻ ATM thì ném bỏ; H giữ cái bóp da. Sau đó, cả hai đi tiếp một đoạn thì dừng lại để lấy kèm trong cốp xe của H cắt dây điện nguồn của xe 63B3-937.76 để khởi động nhưng không được. Cả hai thấy ven đường có một tiệm sửa xe (không rõ địa chỉ) còn mở cửa nên đẩy xe 63B3-937.76 vào để nhờ khởi động nhưng do tiệm không có thợ sửa xe. Bị cáo mượn thiết bị của tiệm để vặn ốc mở biển số xe 63B3-937.76 ra rồi cả hai tiếp tục đi về hướng tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, bị cáo lấy 11.000 đồng mua nước cho cả hai uống. Lúc này, H gọi điện thoại cho A đến, H kêu bán xe 63B3-937.76 với giá 15 triệu đồng, nhưng A chỉ đồng ý mua với giá 14 triệu đồng. Bị cáo nói với H nếu giá 14 triệu thì để bị cáo lấy, H đồng ý nên không bán cho A. H tiếp tục mở yên xe 63B3-937.76 lên để bị cáo thò tay vào lục trong cốp xe tìm được 01 bảo hiểm xe máy, bị cáo ném bỏ ở ven đường. Bị cáo đưa giấy chứng minh nhân dân của anh T1 và biển số xe 63B3-937.76 cho H giữ, bị cáo giữ giấy chứng nhận đăng ký xe. Cả hai tiếp tục đẩy xe 63B3-937.76 về đến ấp TL1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre, ghé vào tiệm sửa xe của anh Lê Thanh T3 để nhờ sửa ổ khóa. Bị cáo nói với H sẽ giữ xe 63B3-937.76 và sẽ đưa cho H 07 triệu đồng. Đến ngày 08/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành mời bị cáo và H làm việc.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn H khai nhận: Bị cáo thống nhất toàn bộ lời khai của Đặng Vũ K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đặng Vũ K và Cao Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của người khác; Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 52.061.000đồng; Đây là vụ án có đồng phạm, thuộc trường hợp giản đơn. Cả hai bị cáo cùng thống nhất việc cùng đi tìm tài sản có sơ hở thì lấy trộm, chứ không bàn bạc kế hoạch cụ thể trước. Quá trình điều tra cũng nhưng tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự ;

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Vũ K, Cao Văn H phạm tội trộm cắp tài sản;

- Về hình phạt: phạt bị cáo Đặng Vũ K từ 02 năm đến 2 năm 06 tháng tù; Phạt bị cáo Cao Văn H từ 02 năm 3 tháng đến 02 năm 9 tháng tù;

- Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu trắng – đen – bạc, biển số 71B4-145.41, số máy: 1191478, số khung 326505; xe do Cao Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản do H, K sử dụng làm phương tiện phạm tội. Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 01 đèn pin là công cụ bị cáo dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với biển số xe 63B3-291.34, cái bóp da và giấy chứng minh nhân dân đã trộm của anh T1, H mang về cất ở nhà thì chị Tăng Mỹ P không biết đây là tài sản, giấy tờ do trộm cắp mà có; sau khi H bị bắt thì chị P tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Anh Lê Thanh T3 khi nhận sửa xe 63B3- 937.76 thì không biết đây là tài sản do K, H lấy trộm, ngoài lời khai thì không có chứng cứ nào khác, nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự.

Lê Hoàng A đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Theo lời khai của H, K thì khi trao đổi việc mua xe 63B3-937.76 thì A không biết xe là do phạm tội mà có; giao dịch mua, bán xe không thành. Nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A.

Bị cáo Đặng Vũ K, Cao Văn H nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của mình đã sai, thừa nhận hành vi phạm tội và hứa sẽ không tái phạm, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ các chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi của bị cáo Đặng Vũ K, Cao Văn H: các bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại, ngày 05/6/2020, tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành,

tỉnh Tiền Giang, Đặng Vũ K, Cao Văn H đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Hồ Minh T1. Hậu quả các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản là 01 (một) xe mô tô loại “Vario” biển số 63B3-937.76, 01 bóp da và số tiền 11.000 (mười một nghìn) đồng, tổng giá trị 52.061.000đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, các chứng khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố.

Xét thấy hành vi của bị cáo có ý xem thường pháp luật; Bị cáo biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng đã cố ý lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại để bán lấy tiền tiêu xài; Tài sản mà bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt theo kết luận định giá của Hội đồng định giá có giá trị là 52.061.000đồng; Thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo là người đã đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo vệ. Như vậy, hành vi của bị cáo , Đặng Vũ K, Cao Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo , Đặng Vũ K, Cao Văn H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Đặng Vũ K:

- Xét tính chất hành vi phạm tội: Bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản của người khác; Làm ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương. Vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi mà mình đã phạm.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

- Xét về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Xét về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không lo tu chí làm ăn.

Do vậy Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.2] Đối với bị cáo Cao Văn H:

- Xét tính chất hành vi phạm tội: Bị cáo là người đề xướng và giúp sức tích cực cho bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên vai trò của bị cáo tương đương với bị cáo K. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản của người khác; Làm ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương. Vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi mà mình đã phạm.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

- Xét về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Xét về nhân thân: bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị Tòa án tỉnh Bến Tre xử phạt 8 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Do vậy Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, HĐXX không xem xét về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Xét các vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Châu Thành đã xử lý đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu trắng – đen – bạc, biển số 71B4-145.41, số máy: 1191478, số khung 326505. Chị Tăng Mỹ P cho rằng xe là tài sản chung của chị và bị cáo H; H, K sử dụng xe làm phương tiện phạm tội chị không biết nên xin Hội đồng xét xử giao trả chiếc xe cho chị làm phương tiện đi làm. Xét thấy xe do Cao Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe; chị P và anh H sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, chị P không cung cấp chứng cứ chứng minh xe là tài sản chung của chị và H. Do vậy căn cứ Điều 89, 106 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Một đèn pin màu xanh lá, các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội hiện đã củ không còn giá trị. Do vậy căn cứ Điều 89, 106 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tịch thu tiêu hủy.

[6/ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

[7/ Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát : phân tích hành vi phạm tội; hậu quả; đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với Đặng Vũ K là có cơ sở như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức hình phạt của bị cáo Cao Văn H, HĐXX xem xét lại cho phù hợp tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Vũ K, Cao Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

;

1/ Căn cứ vào: Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: Phạt bị cáo Đặng Vũ K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 08/6/2020.

2/ Căn cứ vào: Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: Phạt bị cáo Cao Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 08/6/2020.

3/ Về vật chứng: Căn cứ Điều 89, 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một xe mô tô hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu trắng – đen – bạc, biển số 71B4-145.41, số máy: 1191478, số khung 326505;

- Tịch thu tiêu hủy một đèn pin (loại sạc điện) màu xanh lá.

Các vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/10/2020.

4/ Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Đặng Vũ K phải chịu 200.000 đồng án phí HSST ;

- Bị cáo Cao Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST ;

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành.
- THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Các Đ/S;
- Lưu

Đã ký

Nguyễn Thanh Nhàn